

## PHỤ NỮ NAM BỘ ĐẦU THẾ KỶ XX: SỰ CHUYỂN BIẾN VỊ THẾ VÀ HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

NGUYỄN THỊ TRÚC BẠCH\*  
HUỠNH VĨNH PHÚC\*\*

*Những thập niên đầu thế kỷ XX, chính sách cai trị và khai thác thuộc địa của Pháp tại Nam Bộ, cùng với những ảnh hưởng của tư tưởng, phong trào xã hội trên thế giới có tác động đến đời sống con người vùng đất này. Cụ thể, chính sách giáo dục của Pháp dành cho nữ giới, sự ra đời của báo chí quốc ngữ, đặc biệt là dòng báo chí phụ nữ ở Nam Bộ đã mang đến cho phụ nữ vị thế mới. Dựa vào nguồn tư liệu tổng hợp, báo chí quốc ngữ (Nữ Giới Chung, Phụ Nữ Tân Văn), bài viết phân tích những biến đổi về vị thế, hoạt động báo chí của phụ nữ Nam Bộ. Từ sự chuyển biến vị thế, đến tham gia truyền thông trên báo chí, xuất bản... đã góp phần tạo dựng hình ảnh phụ nữ Nam Bộ đầu thế kỷ XX vượt thoát khuôn định của xã hội cũ. Bên cạnh đó, từ những nhận thức mới dẫn đến sự chủ động hoạt động truyền thông, tương tác xã hội của phụ nữ Nam Bộ còn là sự tham gia vào chủ đề nữ quyền, giới và hội nhập.*

*Từ khóa:* phụ nữ Nam Bộ, đầu thế kỷ XX, vị thế, hoạt động báo chí

*Nhận bài ngày:* 09/10/2024; *đưa vào biên tập:* 10/10/2024; *phản biện:* 16/10/2024; *duyet đăng:* 05/11/2024

### 1. DẪN NHẬP

Đầu thế kỷ XX, chính sách cai trị và khai thác thuộc địa của Pháp tại Nam Bộ, cùng với sự du nhập tư tưởng phương Tây, chủ nghĩa Mác-Lênin, phong trào cải cách xã hội của Trung Quốc, Nhật Bản diễn ra trên thế giới, đã tác động và tạo nên những chuyển biến của đời sống con người Nam Bộ

trên các bình diện kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa. Đặc biệt, chính sách giáo dục của Pháp đối với nữ giới, sự ra đời của truyền thông hiện đại và dòng báo chí phụ nữ mang đến cho phụ nữ vị thế và những tương tác xã hội rất mới mẻ, khác biệt so với phụ nữ của các thế hệ trước đó trong lịch sử nước nhà.

Theo ghi nhận của David Marr: khoảng thập niên 1920, “Phụ nữ và Xã hội” trở thành tiêu điểm nội dung

\*, \*\* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

của báo chí và sách in. David Marr trong *Những tranh luận về nữ quyền ở Việt Nam* những năm 1920 (*The 1920s Women's Rights Debates in Vietnam*) (1976), cho rằng các thảo luận đa dạng về vấn đề phụ nữ những năm 1920 là chỉ dấu cho thấy sự thay đổi địa vị của người phụ nữ Việt Nam những năm thuộc địa này tiếp xúc mạnh mẽ với văn hóa văn minh Âu Tây. David Marr được đánh giá là một trong những tác giả tiên phong nghiên cứu vấn đề phụ nữ theo hướng tiếp cận lịch sử hiện đại, cùng với các tác giả như Hue Tam Ho Tai (1992, *Daughters of Annam*), McHale Shawn (1995, *Vietnam Dabates Over Women's Place in Society 1918 - 1934*), Đặng Thị Vân Chi (2008, *Vấn đề phụ nữ trên báo chí tiếng Việt trước 1945*). Theo Bùi Trân Phượng (2010), từ những năm cuối thập niên 1910 ở miền Nam – Thông qua những tờ báo như *Lục Tỉnh Tân Văn*, *Nông Cổ Mìn Đàm* – và nhất là trong ba thập kỷ tiếp theo, các luồng thông tin và tri thức do báo chí chuyển tải đã bổ sung cho giáo dục để thổi bùng sinh khí mới trong đời sống văn học, tạo thuận lợi cho việc phát triển chủ nghĩa hiện đại và chủ nghĩa nữ quyền. Và việc phân tích thông qua nhiều lĩnh vực khác như văn học, sân khấu hay những trường hợp phụ nữ cụ thể có thể “khẳng định sự trở dậy mạnh mẽ của cá thể nữ trong những năm từ 1918 đến 1945” (Bùi Trân Phượng, 2010: 9). Đầu thế kỷ XX, các tư tưởng của thế giới góp phần tác động đến các phong

trào đổi mới trong nước; có trên mười tên tờ báo gắn liền với chữ “Mới” như: *Sóng Mới*, *Ngày mới*, *Tin Mới*, *Dân Mới*, *Văn Mới*, *Hà Nội Tân Văn*, *Sài Gòn Mới*, *Đời Mới*, *Việt Nam Mới*, *Tân Thời*, *Gió Mới*. “Mới” ở đây là phạm trù mang tính khái quát cả góc độ tư tưởng đến tình cảm, cá nhân và cộng đồng. Theo chúng tôi, ở Nam Bộ, ý thức về cái “Mới” của con người vùng đất này với tư cách là chủ thể văn hóa thể hiện như một khát vọng, xu hướng thời đại.

Có thể thấy, Nam Bộ đầu thế kỷ XX, vấn đề phụ nữ nổi lên như một chủ đề “Mới” của xã hội, giáo dục, truyền thông lúc bấy giờ. Cùng với truyền thông mới, sự hiện diện của phụ nữ với những hoạt động văn hóa, xã hội, những thảo luận về chủ đề phụ nữ khẳng định phụ nữ có địa vị mới.

Vào năm 1906, bắt nguồn từ tư tưởng Duy Tân của Phan Châu Trinh, Trần Chánh Chiếu phát động phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ. Phong trào Minh Tân diễn ra trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, giáo dục, gắn với hai tờ báo *Nông Cổ Mìn Đàm* và *Lục Tỉnh Tân Văn*. Nguyễn Chánh Sắt chủ bút tờ *Nông Cổ Mìn Đàm* là những người tiên phong đặt ra vấn đề nữ quyền ở Nam Bộ với các bài như: *Nữ giới chung* (số 1/1917), *Nam quý nữ tiệp* (số 2/1917), *Nữ tử phụ quyền* (số 3/1917...).

## **2. HỆ THỐNG GIÁO DỤC MỚI: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO PHÁP - VIỆT**

Trong lịch sử Việt Nam từng lưu danh nhiều nữ tướng với chiến công hào hùng đánh đuổi giặc ngoại xâm như Bà Trưng, Bà Triệu, Bùi Thị Xuân... hay các tác giả nữ tài hoa như Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm... Tất cả đều ưu tú, có tài văn chương nhưng đều không được tham gia các kỳ thi của nhà nước. Hơn nữa, các bậc nữ lưu ấy không hiện diện trong bộ máy chính quyền nhà nước phong kiến, không có tiếng nói chính thống tại các cuộc thảo luận dù chỉ trong phạm vi làng xã.

Từ thời nhà Nguyễn, Sài Gòn - Gia Định vốn được xem là trung tâm giáo dục của cả vùng đất phía Nam, sau kinh đô Huế. Trường thi Gia Định được mở năm 1813 và tồn tại đến năm 1858, tổng cộng mở được 18 khoa thi Hương, dành cho thí sinh từ Bình Thuận trở vào cho đến Hà Tiên. Văn miếu Gia Định được lập năm 1824. Tuy vậy, chính quyền nhà Nguyễn không chú trọng đến việc dạy học mà chủ yếu chỉ tổ chức các khoa thi Hương (Bùi Đức Tịnh, 1988, tập II: 423-427). Cuối thế kỷ XVIII, Gia Định có một vài trường tư nổi tiếng như trường của Võ Trường Toản, trường của Đặng Đức Thuật, hay trường của Nguyễn Đình Chiểu mà người ta hay gọi là trường Đồ Chiểu mở vào năm 1850, nhưng đây là những trường học không phổ biến.

Ngay sau khi nắm quyền ở Nam Kỳ, bên cạnh triển khai các chính sách xã hội, kinh tế, nhà cầm quyền Pháp đặc biệt chú ý đến việc truyền bá văn hóa

Pháp, hạn chế ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa trong đời sống người Việt. Cụ thể, ở lĩnh vực giáo dục được người Pháp quan tâm trước nhất. Kỳ thi Hương bị xóa bỏ ở Nam Kỳ vào năm 1919. Với quan niệm tầng lớp sĩ phu là một lực lượng chính trị có uy thế đối với đông đảo nhân dân, người Pháp đã dùng nhiều biện pháp để hạn chế ảnh hưởng của họ, bằng cả cách mua chuộc lẫn đàn áp. Nhiều trường công lập dạy chữ quốc ngữ được thành lập ở nhiều nơi. Buổi đầu người Pháp dùng biện pháp cưỡng chế, bắt thiếu niên đi học cũng như bắt đi sưu; đồng thời thay chữ Hán trong công văn, giấy tờ bằng chữ quốc ngữ. Bên cạnh đó, các chính sách được chính quyền Pháp áp dụng, phần lớn những người biết chữ quốc ngữ và tiếng Pháp đều dễ dàng có công ăn việc làm, thậm chí một số ít lại được chính quyền thực dân cho đi học tại Pháp và các nước thuộc địa của Pháp. Vì vậy, một bộ phận không nhỏ đã tự tìm đến với chữ quốc ngữ vì lợi ích giao tiếp của nó và cả vì lợi ích trong cuộc mưu sinh. Đến năm 1886, số học sinh theo học các trường của Pháp là 27.473 học sinh; số học sinh sinh theo học các lớp của thầy Đồ ở nông thôn là 8.496 học sinh, chiếm tỉ lệ 31%. Cùng thời gian này, Nam Kỳ có 7 trường nữ sinh với 922 học sinh nữ; Bắc Kỳ có 4 trường tiểu học cho nữ sinh (Bùi Đức Tịnh, 1988).

Năm 1917 quy chế chung về giáo dục Đông Dương - còn gọi là Học chính Tổng quy - được ban hành đã quy

định bên cạnh việc mở các trường tiểu học ở các xã cho nam sinh thì tại các tỉnh cũng có thể mở ít nhất một trường công cho nữ sinh. Trong trường hợp chưa có trường riêng cho nữ sinh, thì nam sinh, nữ sinh có thể học chung một trường, nhưng phải tổ chức dạy riêng cho nữ sinh. Chỉ các tỉnh lỵ lớn mới có trường sơ học hay tiểu học dành riêng cho nữ sinh. Trường cao đẳng tiểu học chỉ có ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn, còn bậc trung học (Tú tài bản xứ) thì không có trường riêng cho nữ sinh.

Từ năm 1900, mỗi quận ở trung tâm Sài Gòn (lúc đó có 5 quận) đã có hai trường tiểu học (hệ ba năm) theo chương trình Pháp - Việt dành cho nam sinh và nữ sinh. Bên cạnh, Pháp còn xây dựng, đào tạo một số trường kỹ thuật chuyên nghiệp và dạy nghề như Trường Bá nghệ Thực hành (1897), Trường Cơ khí Á Châu (1906) – tiền thân của Trường Kỹ thuật Cao Thắng sau này, Trường Nữ hộ sinh (1901), Trường Nữ điều dưỡng (1909), Trường Mỹ thuật Gia Định (1913).

Nhìn chung tỷ lệ nữ sinh so với nam sinh là rất thấp, số học sinh chủ yếu ở các phố lớn và các thị trấn, ở các làng quê, số học sinh không nhiều. Tuy nhiên cũng có nhiều người trong số họ đã tiếp tục vào học ở Đại học Đông Dương (chưa kể nhiều người đi du học tại Pháp). Các Trường Cao đẳng Y khoa, Trường Cao đẳng Sư phạm, Trường Cao đẳng Nông lâm cũng nhận các sinh viên nữ. Trong các trường dạy nghề năm 1941-1942

cũng có khoảng 900 nữ sinh. Nữ giáo viên khoảng 1.000 người (Đặng Thị Vân Chi, 2017).

Số lượng nữ sinh này tuy chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong dân số, nhưng thực sự là thay đổi đáng kể trong đời sống của người phụ nữ Việt Nam nói riêng và trong xã hội Việt Nam nói chung. Chương trình giáo dục theo lối học mới và việc sử dụng tiếng Pháp trong nhà trường đã hình thành ở Việt Nam một tầng lớp phụ nữ mới chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp khá đậm nét và vì thế xã hội gọi dưới tên gọi là “tân nữ lưu”, “cô gái mới”.

Lần đầu tiên, phụ nữ Nam Bộ có cơ hội đến trường học tập một cách chính thức. Việc giáo dục cho phụ nữ không những hoàn toàn được sự ủng hộ của các quan chức Pháp, mà còn được các nhà báo tiên phong của Nam Bộ lúc bấy giờ quan tâm như Lương Khắc Ninh (Tự Dủ Thúc), Nguyễn Chánh Sắt. Lương Khắc Ninh cho biết: “Tôi xin nhà nước giúp sức lập trường con gái. Lúc giữa Hội đồng quản hạt, tôi xin thì quan thống đốc Nam Kỳ vừa lòng hiệp ý, nên ngài từ cho Sở tham biện, lập trường sơ học cho con gái và giúp cho họ làm tốt vai trò làm vợ, làm mẹ trong gia đình” (*Nông Cổ Mìn Đàm*, ngày 28/8/1902). Nguyễn Chánh Sắt viết: “Đờn bà con gái không đặng tự do vẫn đã lâu đời rồi, hiện nay là thế kỷ thứ 20, công lý tiếm minh, nữ quyền lược chấn, việc cưới gả cũng đã gần được tự do, song cái tục quen để cho đờn bà lo bề trị nội cũng còn hoài, chưa hề buông

đặng. Đồng bào ta hãy xét cứu lấy coi, vả chẳng đờn bà con gái nước nào cũng vậy, tuy là phận liễu bô nhược chất mặc dầu, so sánh việc thông minh tài lực, thì nào có kém chi trai. Nếu có giáo dục phổ thông, thì các cô làm chi lại không đặng” (*Nông Cổ Mìn Đàm*, số 3/1917).

### 3. TRUYỀN THÔNG VÀ BÁO CHÍ PHỤ NỮ Ở NAM BỘ

Nhà xã hội học Daniel Lerner (1957: 266-275), trong bài *Communications System and Social System: Statistical Exploration in History and Policy* cho rằng một trong những điều kiện và đặc điểm của quá trình chuyển đổi từ các xã hội cổ truyền sang xã hội hiện đại chính là sự chuyển tiếp từ truyền miệng sang hệ thống truyền thông đại chúng. Hệ thống truyền thông đại chúng được nhắc đến đầu tiên đó là báo chí, in ấn và xuất bản, gắn với một số đặc điểm như: do những tổ chức chuyên nghiệp đảm trách, đưa thông tin ra công chúng phổ biến rộng rãi, nội dung, thông điệp mang tính tường thuật chứ không phải ra lệnh. Khác với hệ thống truyền thông truyền miệng là truyền đạt thông tin một cách trực tiếp, nội dung các thông điệp mang tính chất mệnh lệnh và thường phát ra theo hệ thống tôn ti trật tự xã hội. Sự thay đổi trong ứng xử truyền thông có liên quan chặt chẽ đến những thay đổi khác về ứng xử trong hệ thống xã hội, và kết luận rằng: hệ thống truyền thông chính là chỉ dấu, đồng thời là tác nhân của sự thay đổi trong toàn bộ hệ thống xã hội. Nói

cách khác, truyền thông đại chúng trở thành một trong những động lực của sự phát triển xã hội.

Không phải những tác phẩm văn chương mà báo chí mới chính là phương tiện đầu tiên phổ biến rộng rãi chữ quốc ngữ ở Việt Nam. *Gia Định Báo*, tờ báo quốc ngữ ra đời ngày 15/4/1865, đánh dấu sự mở đầu của lịch sử báo chí Việt Nam. Sau đó, lần lượt xuất hiện: *Nhật Trình Nam Kỳ* (1883), *Bảo Hộ Nam Dân* (1888), *Thông Loại Khóa Trình* (1888), *Đại Nam Đồng Văn Nhật Báo* (1892), *Phan Yên Báo* (1898), *Nông Cổ Mìn Đàm* (1901). Theo thống kê của chúng tôi, đến năm 1930 có 80 tờ báo và tạp chí lưu hành trong cả nước, riêng ở Sài Gòn đã phát hành 50 tờ. Chữ quốc ngữ đến với Nam Bộ sớm hơn, nên báo chí quốc ngữ trở thành món ăn tinh thần thiết yếu của đông đảo độc giả thuộc nhiều tầng lớp khác nhau, phục vụ mọi đối tượng, bất kể thành phần tầng lớp xã hội. Ấn tượng mà người đọc dễ dàng nhận thấy là buổi đầu của báo chí Nam Bộ dung nạp tất cả mọi dạng thông tin, từ tác phẩm văn chương đến chuyện thương mại, khoa học, tôn giáo, y tế, quảng cáo...

Sự thay đổi của nhiều định chế xã hội khác đã dẫn đến một sự thay đổi hết sức quan trọng trong mối quan hệ giới, đó là vị thế người phụ nữ trong gia đình, quan hệ nam nữ và quan hệ xã hội. Đầu thế kỷ XX, nổi lên tư tưởng “minh tân” đề cao vai trò người phụ nữ trong xã hội, thoát khỏi quan niệm

“tam tông tứ đức”, đặc biệt kể từ khi tờ *Nữ Giới Chung* (1918) và *Phụ Nữ Tân Văn* (1929 - 1934) ra đời. Trước năm 1918, số nam giới và rất ít phụ nữ Việt có thể đọc chữ quốc ngữ (hoặc tiếng Pháp, tiếng Trung) trôi chảy. Từ năm 1918 đến năm 1930, Việt Nam chứng kiến sự bùng nổ về sách báo in bằng chữ quốc ngữ. Từ năm 1918, lần đầu tiên tại Nam Bộ, Việt Nam mới xuất hiện tờ báo dành riêng cho phụ nữ, đó là tờ *Nữ Giới Chung* do nữ sĩ Sương Nguyệt Anh làm chủ bút. Tuy nhiên tờ báo chỉ tồn tại được 5 tháng thì đình bản. Đến năm 1929, tuần báo *Phụ Nữ Tân Văn* ra đời tại Sài Gòn, tiếp tục và khởi đầu cho giai đoạn phát triển của dòng báo phụ nữ; sau đó là sự xuất hiện của *Phụ Nữ Thời Đàm* (Hà Nội, 1933), *Phụ Nữ Tân Tiến* (Huế, 1932), *Đàn Bà Mới* (Sài Gòn, 1934)...

Tờ *Nữ Giới Chung* ra đời tháng 2/1918, là tờ báo phụ nữ đầu tiên của Việt Nam nêu vấn đề nam nữ bình đẳng. Nữ sĩ Sương Nguyệt Anh - chủ bút - Tổng Biên tập đầu tiên của dòng báo nữ, viết ngay trên số báo đầu tiên: “Thuở xưa tài nữ nước ta như bà Đoàn Thị Điểm, bà Hồ Xuân Hương, bà phủ Thanh Quan, bà Diệu Liên công chúa, là đương thời khoa cử nhất sĩ nhì nông. Ngày nay ngọn sóng Âu tràn qua Nam Hải, các khoa học minh mông, công nghệ thế ấy, học thuật thế kia, trông người mà ngấm đến ta... Kia ta mở cặp mắt ngó ra hoàng hải, người Âu Mỹ làm thầy giáo cũng đàn bà, mà thầy kiện cũng đàn

bà, trong tay sẵn có một nghề, không phải nương nhờ nam tử. Ấy cái học người ta như thế, há phải như người mình không bệnh mà rên! Chị em ơi! Cái nét đánh chết cái hay, dẫu văn như ả Tạ nàng Ban, cũng chẳng qua một cái trò chơi. Muốn có cái địa vị ngang hàng với nam tử thì việc tề gia nội trợ phải thuộc lòng mà tình trong thế ngoài cũng phải ráng nên ghé mắt, tuy chưa được như người Âu Mỹ song cũng đừng phụ tiếng Lạc Hồng”. Mục đích và tôn chỉ hoạt động của *Nữ Giới Chung* là vừa ra sức bảo tồn những giá trị truyền thống, vừa giúp cho người phụ nữ khẳng định vị trí, vai trò của mình trong xã hội. Điều đó đã dành được rất nhiều sự ủng hộ của những trí thức tiên bộ lúc bấy giờ.

*Phụ Nữ Tân Văn* là tờ báo phụ nữ thứ hai tại Nam Bộ có nhiều ảnh hưởng quan trọng về văn hóa, xã hội trong cả nước. Tờ báo cổ động cho phụ nữ đi học, làm việc, tham gia hoạt động xã hội, tổ chức “đấu xảo nữ công”, hội chợ phụ nữ, thể thao phụ nữ, tổ chức những bữa cơm bình dân, Hội Dục Anh để giúp đỡ những người nghèo. Từ khi *Phụ Nữ Tân Văn* xuất bản, nhiều tờ báo khác cũng lần lượt mở trang phụ nữ và đề cập đến những vấn đề của nữ giới. Nếu cho rằng ý thức về vai trò của phụ nữ trong xã hội là một trong những cột mốc quan trọng trong quá trình chuyển biến của tư duy về dân chủ xã hội, bình đẳng xã hội và tự do cá nhân, thì có thể khẳng định những hoạt động của *Nữ Giới Chung* và *Phụ Nữ Tân Văn* đã

tham gia tích cực, góp phần cho quá trình đó.

*Phụ Nữ Tân Văn* trong 6 năm hoạt động đã xuất bản được 273 số và 2 số báo Xuân 1932, 1933. Với số lượng báo phát hành, có thể khái quát nên diện mạo từ đó chỉ ra một số đóng góp nổi bật của báo *Phụ Nữ Tân Văn* so với báo chí đương thời. *Phụ Nữ Tân Văn* một tuần ra 1 số báo, số 1 ra mắt tại Sài Gòn vào thứ năm ngày 2/5/1929, và đình bản theo nghị định ngày 20/12/1935. Tờ báo này không chỉ bàn luận về các vấn đề của phụ nữ, mà nhìn rộng hơn, đã đề cập đến nhiều vấn đề thời sự chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước... Theo chúng tôi, *Phụ Nữ Tân Văn* là tuần báo đề xuất nhiều phong trào vận động nữ quyền và giải phóng phụ nữ, khởi xướng phong trào Thơ mới, tổ chức nhiều hoạt động nhằm khuếch trương các phong trào xã hội, giúp đỡ cho phụ nữ, học sinh và những người nghèo trong xã hội.

*Phụ Nữ Tân Văn* được mệnh danh là tờ báo đấu tranh cho nữ quyền. Ngay từ số đầu tiên, *Phụ Nữ Tân Văn* đã đăng bài xã luận “Chương trình của bản báo” nhằm làm rõ tôn chỉ, mục đích của mình: “Thế thì ngày hôm nay đây, tức là ngày chị em ta từ trong trướng gấm phòng thêu, đánh trống phát cờ ra để phấn đấu cho đoàn thể mình, và phấn đấu cho cả quốc gia xã hội vậy”. Đấu tranh cho nữ quyền, nhưng khác với các cuộc đấu tranh nữ quyền trên thế giới, tờ báo không đòi bình quyền, cũng không đòi tham

chánh. Đối với “bình quyền”, tờ báo quan niệm rằng đã là người thì ai cũng như ai, “Tôi không phân biệt nam nữ chi hết, ai cũng là người thì ai cũng như ai, cần chi phải cổ động phụ nữ chủ nghĩa?”. Đấu tranh cho nữ quyền, *Phụ Nữ Tân Văn* kêu gọi phụ nữ phải học rộng, có thể mới giải phóng mình khỏi những ách áp bức, xóa được thói nam tôn nữ ti. Từ những bài xã luận, xã thuyết, ban biên tập bắt tay vào vận động thành lập các trường nữ học dạy bằng chữ quốc ngữ bên cạnh việc dạy tiếng Pháp, biên soạn sách học và phát miễn phí cho phụ nữ, hoặc là bán thật rẻ. Liên tiếp trên các số 33, 34, 35, đặt ra vấn đề phổ thông tri thức cho phụ nữ. Trên số 33 viết: “Chị em ta ngày nay, càng nhận biết cái chức trách của mình ở gia đình và ở xã hội là quan hệ bao nhiêu, càng muốn giải phóng cho mình bao nhiêu, thì càng cần phải có phổ thông tri thức mới được.” Còn ở số 34: “Chúng tôi muốn hô hào mở một trường học dạy phổ thông tri thức cho chị em bằng chữ quốc ngữ.” Số 35 đề nghị mở “Phụ nữ khuyến học viện” tại Sài Gòn, mục đích là giúp cho phụ nữ về mặt phổ thông tri thức. Trên số 42, Đạm Phương nữ sử giải thích “Vì sao phụ nữ cần phải có học thức rộng?”. Số 118 bàn về việc lập “Phụ nữ ấn thơ quán”, tức là nhà in và nhà xuất bản riêng của phụ nữ, nhằm in sách tốt cho phụ nữ đọc. Trên số 127 kêu gọi: “Khi chưa có Phụ nữ ấn thơ quán phải có Phụ Nữ Tùng Thơ”. Đến số 130, tờ báo lại nhắc tới việc thành lập “Nữ lưu học hội”, nhằm giúp

cho chị em phụ nữ có chỗ học để tìm thêm trí thức. Có thể nói Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công ở Nam Bộ, Nữ học hội của Trung Bộ đều ra đời trên cơ sở các chủ trương của *Phụ Nữ Tân Văn*.

Nhà phê bình văn học Thiều Sơn trong bài viết *Nữ sĩ Việt Nam* đăng trên *Phụ Nữ Tân Văn* số 225 ngày 23/11/1933 cho biết: “Nữ Lưu Thơ Quán in ra trước sau được 39 quyển, bị cấm một phần ba, chủ nợn bị hầu Bồi thẩm bốn lần, ra tòa hai bận, suýt chút bị giam”. Và ông ca ngợi bà: “một người thiếu phụ mà có tâm huyết chí khí như Bạch Vân nữ sĩ, vẫn đáng cho ta lưu ý và cảm phục. Huống cái tâm huyết, chí khí đó lại ở vào một người có tư tưởng văn tài, thì lại càng quý giá vô cùng”. Phan Thị Bạch Vân là tác giả nữ đầu tiên biết kết hợp hoạt động thương mại và hoạt động truyền bá văn hóa, văn học một cách tài tình và hiệu quả. Trong báo đề cập đến Nữ Lưu Thơ Quán, Ban biên tập gồm có: Đạm Phương (Huế), Nguyễn Thị Đan Tâm (Phủ Quảng Trung Kỳ), Hoàng Thị Tuyết Hoa (bút danh của Phan Thị Bạch Vân), Tùng Viên (Phủ Quảng Trung Kỳ), Vũ Xuân Đệ (Hà Nội), Quốc Anh (giáo học Phú Thọ, Đồng Hới), Á Nam Trần Tuấn Khải (Hà Nội). Khác hẳn với những thư quán cùng thời, Nữ Lưu Thơ Quán (1928) có mục đích và tôn chỉ rõ ràng, cụ thể là:

“Lựa chọn để bán ra cho cả thầy chị em bạn gái bằng giá thật hạ những truyện sách xuất bản trong xứ, có ích cho tinh thần đạo đức và nền luân lý

nước nhà, giúp cho trí thức nữ lưu được chóng mở học vấn thêm cao.

Trước tác, sưu tập, dịch thuật và lãnh xuất bản những cáo văn thật có giá trị về chánh trị, lịch sử, truyện ký, tiểu thuyết, phụ nữ vấn đề, nữ công, văn học, khoa học, thương mại, thiết nghiệp.

Những sách nhằm nhĩ thuộc về ái tình dân phong, hoặc tả theo những lối quái dị trái hẳn với thể thống nước nhà, thì bao giờ cũng cự tuyệt.

Cái mục đích của Nữ Lưu Thơ Quán là lo làm sao cho đường đức dục, trí dục của chị em được mau tấn tới thể đồ, mà hưởng lấy cái hạnh phúc chung ở buổi tối tăm, mau kíp đến cái địa vị quý đẹp chị em phải có mà chưa có được.

Ai ơi! Đã có tấm lòng vì nòi giống, vì giang san. Ai ơi! Đã tưởng đến cái lẽ tồn vong, mà biết ngậm ngùi cho bước đường dài của mười triệu nữ lưu. Ai ơi! Đã biết cái nỗi nước mất dân tàn, phong tục đồi tệ đến thế là cùng, hãy để ý mà tán trợ cho Nữ Lưu Thơ Quán được hưng vượng”<sup>(1)</sup>.

Nữ Lưu Thơ Quán ấn định xuất bản sách mỗi tháng 3 kỳ. Phan Thị Bạch Vân có tham vọng đặt chi nhánh ở khắp các tỉnh thành trong nước, với ý nghĩa không chỉ khuếch trương việc mua bán, mà còn để “giúp cho chị em đồng thời có sách hay mà đào dưỡng tính tình, thức tỉnh quốc hồn cho chị em Việt Nam, quét sạch cho xã hội những sách có hại cho nữ lưu trí thức, khuyến khích các văn nhơn ra đời”<sup>(2)</sup>.



Ra đời không bao lâu, Nữ Lưu Thơ Quán cho xuất bản một loạt tác phẩm của các giả nữ như: *Gương nữ kiệt* của Phan Thị Bạch Vân, *Kim Tú Cầu*, *Hồng phấn tương tri* của Đạm Phương nữ sử, *Giám hồ nữ hiệp*, *Nữ anh tài* của Hoàng Thị Tuyết Hoa, *Một đời mấy thân* của Nguyễn Thị Đan Tâm, *Băng tâm ngọc chất* của Huỳnh Anh Thị... Bên cạnh tiểu thuyết, Nữ Lưu Thơ Quán còn ấn hành sách lịch sử; sách khoa học, chính trị; sách dành cho phụ nữ như *Sản dục giám*, *Tân nữ học sinh*, *Phụ nữ tân giáo khoa*, *Nữ công thường thức*...

Việc công khai truyền bá tư tưởng “thương nước thương dân, lo cho hậu vận nước nhà, ham mền quốc văn, bảo tồn quốc túy” (Hoàng Thị Tuyết Hoa, 1929, cuốn 1) đã dẫn đến hậu quả một số tác phẩm của Nữ Lưu Thơ Quán bị cấm lưu hành như: *Gương nữ kiệt*, *Giám hồ nữ hiệp*, *Nữ anh tài*, *Băng tâm ngọc chất*... Thư quán cũng bị đóng cửa sau đó ít lâu. Ngày 10/2/1930, Phan Thị Bạch Vân bị thực dân Pháp giải ra tòa “về tội phá rối cuộc trị an trong xứ bằng văn chương tư tưởng”<sup>(3)</sup> lúc đang bụng mang dạ chửa. Theo lời con gái của bà, có một quan tòa người Pháp do có cảm tình với bà nên đã có lời nói đỡ trong phiên tòa, nhờ đó mà bà không phải chịu cảnh tù đầy. Nữ Lưu Thơ Quán của Phan Thị Bạch Vân tồn tại và hoạt động trong vòng chưa đầy hai năm, nhưng đã tập hợp được một số tác giả tiền bộ và xuất bản nhiều sách có giá trị cho nước nhà.

*Phụ Nữ Tân Văn* giới thiệu chân dung những người phụ nữ mới và có đóng góp đối với lĩnh vực in ấn xuất bản, khuyến khích các chị em phụ nữ noi theo gương bà Thạnh Thị Mậu trên PNTV, *Chị em không nhờ chồng số 228. 2/10/1933*, tác giả V.A.

“Bà họ Thạnh này, tức là vợ ông Nguyễn Kim Đính, ở Sài Gòn và Gia Định này có nhiều người biết, người ta quen gọi là bà Hội đồng Đính. Song tôi chắc người ta chỉ biết bà vì hiện nay bà làm chủ một cái nhà in ở đường Reims mà thôi, chớ không mấy ai biết trải hai ba chục năm nay, bà đã từng làm một nữ tướng ở trong trường kinh doanh thương nghiệp rồi.

Công việc kinh doanh của bà họ Thạnh từ mấy cần xé cau khô hai chục năm trước, cho đến cái nhà in khá lớn ở đường Reims bây giờ, hình hự nói với chị em ta rằng: Phải, tôi là đàn bà lớp xưa, nhưng chỉ xưa về học thuật kim thời, về sự điếm trang lòe loẹt mà thôi, chớ cái tư tưởng mưu sinh tự lập, thì xưa cũng như nay, chị em ráng kéo nhau lo kinh doanh chức nghiệp như tôi, thì vấn đề giải phóng nữ quyền sẽ chóng giải quyết hơn”.

Nhìn chung, *Nữ Giới Chung* tạo tiền đề tốt cho hàng loạt báo chí về phụ nữ sau này và truyền cảm hứng cho nhiều phụ nữ trí thức của các thế hệ tiếp nối xuất bản báo, viết báo. Từ 1929, *Phụ Nữ Tân Văn* xuất bản, với sự xuất hiện của các nhà báo nữ phản ánh xã hội Việt Nam hình thành tầng lớp “tân nữ lưu”, họ tham gia viết văn, làm báo. Các cây bút nữ tích cực kêu

gọi tinh thần nữ quyền, quảng bá các hoạt động xã hội của phụ nữ. Báo chí giới thiệu thư quán và chân dung người phụ nữ mới: từ Nữ Lưu Thơ Quán đến chân dung Thanh Thị Mậu - người phụ nữ có nhiều đóng góp cho ngành in ấn xuất bản Nam Bộ... như gương sáng tiêu biểu người phụ nữ mới tham gia hoạt động xã hội vì sự phát triển chung. *Phụ Nữ Tân Văn* là một trong những tờ báo được đánh giá cao trong lịch sử xuất bản báo chí Việt Nam, đồng thời là tờ báo tiêu biểu của dòng báo chí phụ nữ, nền tảng hoạt động của nhiều cây bút nữ ở vị thế mới tham gia truyền thông báo chí, xuất bản đầu thế kỷ XX.

## 5. KẾT LUẬN

Ở Nam Bộ những thập niên đầu thế kỷ XX, chương trình khai thác thuộc địa của Pháp và những tiếp xúc văn

hóa Đông - Tây tác động đến đời sống văn hóa, xã hội con người vùng đất này. Trong đó, những chuyển biến vị thế và hoạt động truyền thông của phụ nữ Nam Bộ là có ý nghĩa lịch sử văn hóa. Cùng với phong trào Minh Tân và các phong trào cách tân khác mang xu hướng thời đại, chính sách đổi mới giáo dục, sự ra đời của truyền thông - báo chí, xuất bản, đặc biệt là dòng báo chí phụ nữ... chung sức tạo dựng vị thế mới cho phụ nữ, từ đó người phụ nữ chủ động tham gia, tương tác xã hội. Nếu như giáo dục mang đến tri thức, nhận thức mới thì truyền thông là nền tảng vừa bổ sung kiến thức, vừa là môi trường thực hành truyền thông, tương tác xã hội của phụ nữ. Có thể nói, chính giáo dục và truyền thông là hai bình diện quan trọng mang đến cuộc cách mạng “vị thế” của phụ nữ Nam Bộ đầu thế kỷ XX. □

## CHÚ THÍCH

- (1) Tôn chỉ của Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công của Phan Thị Bạch Vân in trong trang đầu tiểu thuyết *Kim Tú Cầu*.
- (2) Lời viết ở cuối tác phẩm *Kim Tú Cầu* của Đạm Phương nữ sử.
- (3) Mục *Gần đây trong nước có những việc gì* trên *Phụ Nữ Tân Văn* số 39 ngày 13/2/1930.

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bùi Đức Tịnh. 1988. “Giáo dục tại thành phố từ trước đến sau ngày hoàn toàn giải phóng”, trong Trần Văn Giàu (chủ biên). *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh – Tập II*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
2. Bùi Trần Phương. 2010. “*Việt Nam 1918 - 1945, giới và hiện đại: Sự trở dậy những nhận thức và trải nghiệm mới*”. *Tạp chí Thời đại Mới (Paris)*, số 18, tháng 3/2010.
3. Đạm Phương nữ sử. 1928. *Kim Tú Cầu*. Sài Gòn: Nxb. Bảo Tồn.
4. Đặng Thị Vân Chi. 2017. “Chính sách giáo giục với người phụ nữ mới ở Việt Nam thời thuộc địa”, trong Kỷ yếu hội thảo Việt Nam học. <http://chuyencuachi.blogspot.com/>, truy cập ngày 27/3/2024.

5. Hoàng Thị Tuyết Hoa. 1929. *Nữ anh tài* (cuốn 1). Sài Gòn: Nxb. Bảo Tồn.
6. Lerner, Daniel. 1957. *Communications System and Social System: Statistical Exploration in History and Policy. Behavioral Science*, No 2.
7. Marr, David G. 1995. *Vietnam Tradition on Trial 1925 - 1945*. California, University of California Press Berkeley.
8. Mc Hale, Shawn Frederick. 1995. *Print, Power and the Transformation of Vietnamese Culture 1920-1945*. Cornell University.
9. *Nông Cổ Mìn Đàm*, số ngày 28/8/1902; số 3/1917.
10. *Nữ Giới Chung*, số 1/1918.
11. *Phụ Nữ Tân Văn*, các số 1, 33, 34, 35, 39, 118, 127, 130, 225.